

VẤN ĐỀ BẢN QUYỀN TRONG CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN CHO NGƯỜI DÙNG TIN

Phạm Thị Phương Liên*

Tóm tắt: Trong môi trường số, dịch vụ thông tin thư viện có sự thay đổi rõ rệt và ngày càng khẳng định vai trò trong đáp ứng nhu cầu của người dùng tin. Tuy nhiên, công nghệ càng tiên tiến, vấn đề bản quyền trong cung cấp dịch vụ thông tin càng trở nên phức tạp, khó kiểm soát. Bài viết đề cập tới sự hình thành của bản quyền, vai trò của bảo hộ quyền tác giả và quyền liên quan, vấn đề thực thi và bảo hộ bản quyền trong cung cấp các dịch vụ thông tin cho người dùng tin trong các thư viện và trung tâm thông tin hiện nay.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Dịch vụ thông tin thư viện là một khái niệm đa chiều với nhiều cách hiểu khác nhau. Theo nghĩa thông thường có thể hiểu dịch vụ thông tin thư viện là những hoạt động, thao tác của cán bộ thư viện nhằm đáp ứng nhu cầu thông tin của người dùng tin. Các loại hình dịch vụ thông tin thư viện được thiết kế nhằm thỏa mãn nhu cầu tin hiện tại cũng như phát hiện, tìm kiếm và xây dựng nhu cầu tin tiềm năng của người dùng tin. Trên cơ sở khái niệm thông thường về dịch vụ thông tin thư viện, có thể nhận thấy dịch vụ thông tin thư viện mang những đặc trưng cơ bản như: tính vô hình; tính không đồng nhất; tính không thể tách rời. Những đặc tính trên khiến cho dịch vụ nói chung và dịch vụ thông tin thư viện nói riêng trở nên khó nắm bắt, luôn đòi hỏi có sự gia tăng giá trị và thay đổi về phương thức và ngày càng không ngừng được đổi mới và hoàn thiện.

Cùng với sự phát triển và gia tăng nhanh chóng các công nghệ truyền thông, việc cung cấp dịch vụ thông tin thư viện cũng có sự biến đổi rõ rệt. Về phương thức: từ phương thức trực tiếp chuyển dần sang phương thức gián tiếp. Từ các loại hình dịch vụ cung cấp truyền thống chuyển sang các loại hình dịch vụ cung cấp tự động hóa. Tính chất các dịch vụ chuyển từ trao đổi chuyển sang các dịch vụ tham khảo, tư vấn. Từ những dịch vụ đơn lẻ chuyển sang dịch vụ tích hợp, đa phương tiện, đáp ứng mọi nơi, mọi lúc, trên cơ sở thuận tiện nhất cho người dùng tin. Đối với mỗi loại hình thư viện, tùy thuộc vào vị trí, chức năng, nhiệm vụ và đặc trưng sẽ phát triển và định hướng hoạt động và dịch vụ theo những cách thức riêng. Với những thư viện đại chúng, các dịch vụ được quan tâm là những dịch vụ có chức năng tuyên truyền, phổ biến, nâng cao trình độ dân trí; những thư viện khoa học lại chú trọng hơn tới các dịch vụ phức hợp, mang tính chất tư vấn. Sự phát triển của các loại hình dịch vụ thông tin thư viện đem lại nhiều ích lợi nhưng cũng kéo theo các vấn đề như: năng lực của đội ngũ cán bộ cung cấp dịch vụ, kỹ năng cung cấp thông tin, trang thiết bị kỹ thuật hỗ trợ, các vấn đề về chính sách thông tin và marketing... mà một trong những thách thức đó chính là bảo đảm và thực thi bản quyền.

* Thạc sĩ, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Việt Nam là một trong những quốc gia được đánh giá là có tỉ lệ vi phạm bản quyền cao và nằm trong khu vực có độ rò rỉ bản quyền cao trên thế giới. Nhận thức về bản quyền của người dân ở mức độ thấp. Các dịch vụ thông tin thư viện phổ biến ở các thư viện hiện nay như hỏi đáp, tìm tin, cung cấp thông tin, phổ biến thông tin... đều tiềm ẩn những vướng mắc trong bản quyền đặc biệt là những dịch vụ liên quan đến cung cấp và sử dụng bản sao tài liệu và những dịch vụ liên quan đến tài liệu số. Việc nhận thức về bản quyền trong lĩnh vực hoạt động thông tin thư viện sẽ giúp hạn chế những hành vi xâm phạm bản quyền vô ý của cán bộ thông tin thư viện.

1. KHÁI QUÁT VỀ SỰ RA ĐỜI CỦA BẢN QUYỀN VÀ BẢN QUYỀN Ở VIỆT NAM

Bản quyền hoặc quyền tác giả ra đời khá sớm nhưng phải đến mãi đến thế kỷ XVIII, lần đầu tiên mới có các lý thuyết về các quyền giống như sở hữu cho các lao động trí óc. Trong một bộ luật của nước Anh năm 1710, *Statute of Anne*, lần đầu tiên một độc quyền sao chép của tác giả được công nhận. Tác giả sau đó nhượng quyền này lại cho nhà xuất bản. Sau một thời gian được thỏa thuận trước, tất cả các quyền lại thuộc về tác giả. Tác phẩm phải được ghi vào trong danh mục của hiệp hội các nhà xuất bản và phải có thêm ghi chú *copyright* để được bảo vệ. Phương pháp này được đưa vào ứng dụng tại Mỹ vào năm 1795 (yêu cầu phải ghi vào danh mục được bãi bỏ tại Anh vào năm 1956 và tại Hoa Kỳ vào năm 1978). Ý tưởng về sở hữu trí tuệ phần lớn được giải thích bằng thuyết về quyền tự nhiên (*Natural law*). Tại Pháp một *Propriété littéraire et artistique* (Sở hữu văn học và nghệ thuật) được đưa ra trong hai bộ luật vào năm 1791 và 1793.

Thực tiễn ở Việt Nam, bản quyền (Copyright) và quyền tác giả (Author's right) không có bất cứ sự khác nhau nào. Mặc dù cùng là khái niệm dùng để chỉ các quyền của tác giả, chủ sở hữu đối với tác phẩm của mình thế nhưng có người gọi là quyền tác giả, có người gọi là bản quyền. Còn trong các văn bản pháp luật chính thức của Việt Nam như Bộ luật dân sự, Bộ luật Hình sự... thì thuật ngữ quyền tác giả là thuật ngữ chính thức được sử dụng.

Liên quan đến việc sử dụng thuật ngữ quyền tác giả và bản quyền, trên thế giới hiện nay, mặc dù pháp luật về quyền tác giả của các nước tương đối giống nhau, đều bao gồm các quy định về đối tượng bảo hộ quyền tác giả, các quyền của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm đối với tác phẩm, thời hạn bảo hộ quyền tác giả... nhưng có nước dùng thuật ngữ quyền tác giả (tiếng Anh là author's right, tiếng Pháp là droit d'auteur) trong đó tiêu biểu là Pháp; một số nước khác như Anh, Mỹ lại sử dụng thuật ngữ bản quyền (copyright). Việc sử dụng thuật ngữ quyền tác giả và thuật ngữ bản quyền có sự khác nhau về cơ sở hình thành, gắn liền với sự khác nhau giữa hệ thống pháp luật châu Âu lục địa và hệ thống pháp luật Anh-Mỹ. Các nước thuộc hệ thống pháp luật châu Âu lục địa (trong đó tiêu biểu là Pháp) sử dụng thuật ngữ quyền tác giả xuất phát từ quan điểm gắn chặt mối quan hệ giữa tác giả với tác phẩm, chú trọng đến việc bảo hộ quyền của tác giả, đặc biệt là các quyền tinh thần của người sáng tạo ra tác phẩm. Các nước thuộc hệ thống pháp luật Anh - Mỹ sử dụng thuật ngữ bản quyền lại xuất phát từ khía cạnh thương mại, nhấn mạnh đến quyền sao chép, nhân bản tác phẩm, tức là chú trọng đến giá trị kinh tế của tác phẩm, chứ không phải là nhân thân tác giả, do đó quyền tinh thần của tác giả ít được coi trọng.

Quyền tác giả tại Việt Nam đã được quy định chi tiết trong Bộ Luật Dân sự 2005, Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Nghị Định 100/NĐCP/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Dân sự Luật Sở hữu trí tuệ về quyền tác giả và quyền liên quan. Theo đó, quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo hoặc sở hữu, bao gồm các quyền nhân thân và quyền tài sản cụ thể:

Quyền Nhân thân

- Đặt tên cho tác phẩm
- Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
- Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
- Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

Quyền tài sản

- Làm tác phẩm phái sinh;
- Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
- Sao chép tác phẩm;
- Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
- Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác;
- Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.

Những hành vi vi phạm bản quyền tác giả cũng được quy định rất rõ trong các văn bản pháp quy nói trên. Cụ thể như:

1. Chiếm đoạt quyền tác giả, mạo danh tác giả.
2. Công bố, quảng bá, phân phối tác phẩm mà không được phép của tác giả.
3. Công bố, phân phối tác phẩm có đồng tác giả mà chưa được phép của đồng tác giả đó.
4. Chỉnh sửa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây ảnh hưởng tổn hại đến danh dự và uy tín của tác giả.
5. Sao chép tác phẩm mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu, trừ trường hợp được sự cho phép của pháp luật
6. Làm tác phẩm phái sinh mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu, trừ trường hợp được sự cho phép của pháp luật.
7. Sử dụng tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu, không trả tiền nhuận bút, quyền lợi vật chất khác theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp được sự cho phép của pháp luật.
8. Cho thuê tác phẩm mà không trả tiền nhuận bút, thù lao và quyền lợi vật chất khác cho tác giả.

9. Sản xuất bản sao, phân phối, lưu chuyên, trưng bày hoặc truyền đạt tác phẩm đến công chúng qua mạng truyền thông mà không được sự cho phép của tác giả.

10. Xuất bản tác phẩm mà không được phép của chủ sở hữu.

11. Cố ý xóa, thay đổi thông tin quản lý của tác phẩm bằng những hình thức tinh vi.

12. Sản xuất, lắp ráp, biến đổi, phân phối, nhập khẩu, xuất khẩu, bán hoặc cho thuê thiết bị hoặc làm vô hiệu hóa kỹ thuật bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm.

13. Bán tác phẩm mà chữ ký của tác giả, chủ sở hữu bị giả mạo.

14. Xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối bản sao tác phẩm mà chưa được sự cho phép của chủ sở hữu.

Đồng thời trong các văn bản pháp quy trên, đặc biệt là trong điều 25 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 cũng quy định rõ những hành vi sử dụng tác phẩm đã công bố không phải xin phép, không phải trả tiền nhuận bút, thù lao. Tuy nhiên, những hành vi này không làm ảnh hưởng đến việc khai thác bình thường tác phẩm, không gây phương hại đến các quyền của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả; phải thông tin về tên tác giả và nguồn gốc, xuất xứ của tác phẩm. Đó là :

- TỰ sao chép một bản nhằm mục đích nghiên cứu khoa học, giảng dạy của cá nhân;

- Trích dẫn hợp lý tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để bình luận hoặc minh họa trong tác phẩm của mình;

- Trích dẫn tác phẩm mà không làm sai ý tác giả để viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, trong chương trình phát thanh, truyền hình, phim tài liệu;

- Trích dẫn tác phẩm để giảng dạy trong nhà trường mà không làm sai ý tác giả, không nhằm mục đích thương mại;

- Sao chép tác phẩm để lưu trữ trong thư viện với mục đích nghiên cứu;

- Biểu diễn tác phẩm sân khấu, loại hình biểu diễn nghệ thuật khác trong các buổi sinh hoạt văn hoá, tuyên truyền cổ động không thu tiền dưới bất kỳ hình thức nào;

- Ghi âm, ghi hình trực tiếp buổi biểu diễn để đưa tin thời sự hoặc để giảng dạy;

- Chụp ảnh, truyền hình tác phẩm tạo hình, kiến trúc, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng được trưng bày tại nơi công cộng nhằm giới thiệu hình ảnh của tác phẩm đó;

- Chuyển tác phẩm sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị;

- Nhập khẩu bản sao tác phẩm của người khác để sử dụng riêng.

Mục đích của việc ban hành những điều luật nhằm bảo hộ bản quyền nói riêng và sở hữu trí tuệ nói chung là đảm bảo cho tác giả được hưởng các lợi ích từ các sản phẩm sáng tạo hoặc đầu tư của họ. Điều đó giúp họ có điều kiện để tiếp tục sáng tạo thêm những tác phẩm mới và các kiến thức, tác phẩm mới lại thúc đẩy phát triển kinh tế, khoa học, xã hội của đất nước và của toàn thế giới. Tuy vậy, trên thực tế không phải mọi người đều có đủ điều kiện để tự mình mua những sản phẩm trí tuệ có bản quyền. Vì thế,

nguyên tắc được đề cập trong lĩnh vực bản quyền là cân bằng lợi ích giữa tác giả, chủ sở hữu tác phẩm với lợi ích của xã hội.

2. BẢN QUYỀN TRONG CUNG CẤP DỊCH VỤ THÔNG TIN CHO NGƯỜI DÙNG TIN

Vấn đề thực thi và bảo hộ bản quyền trong các thư viện ở Việt Nam chủ yếu tồn tại ở các dịch vụ như sao chụp tài liệu, cung cấp tài liệu số hóa, số hóa tài liệu, xây dựng thư viện số, mượn liên thư viện, chia sẻ nguồn lực thông tin, dịch vụ cung cấp thông tin chuyên biệt...

Đối với dịch vụ sao chụp tài liệu: Quyền sao chép tác phẩm là một trong những quyền tài sản cơ bản và quan trọng nhất của tác giả, chủ sở hữu tác phẩm và quyền này được bảo hộ cả từ góc độ pháp luật quốc tế và quốc gia. Tại khoản 5 điều 1 của Nghị định số 85/2011/NĐ-CP đã khẳng định: "*Quyền sao chép tác phẩm quy định tại điểm c khoản 1 điều 20 của Luật Sở hữu trí tuệ là một trong các quyền tài sản độc quyền thuộc quyền tác giả, do chủ sở hữu thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện việc tạo ra bản sao tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo ra bản sao dưới hình thức điện tử*". Trên bình diện luật pháp quốc tế, luật của nhiều nước khác đều có những quy định tương tự. Theo điều 25 của Luật sở hữu trí tuệ (được trích dẫn ở phần 2), việc sao chép một tác phẩm trong thư viện chỉ được giới hạn khi việc sao chép này nhằm mục đích nghiên cứu, không quá một bản. Thư viện cũng không được sao chép và phân phối bản sao tác phẩm tới công chúng kể cả bản sao kỹ thuật số. Tuy nhiên những điều luật này lại không hạn chế việc sao chép của người dùng tin với mục đích nghiên cứu, học tập và giảng dạy, phi thương mại.

Đối với dịch vụ số hóa tài liệu và cung cấp tài liệu số: việc số hóa tài liệu và cung cấp tài liệu số là xu hướng phát triển của các thư viện trên thế giới hiện nay. Dịch vụ này không chỉ đảm bảo cho người dùng có thể được tiếp cận bình đẳng với các nguồn tài nguyên tri thức của nhân loại mà còn được đánh giá là sẽ có những đóng góp to lớn cho giáo dục và học tập suốt đời của người dân. Để có thể bắt kịp với trình độ phát triển của thế giới, nhiều văn bản quy phạm pháp luật cũng chỉ rõ chủ trương của Nhà nước ta là ưu tiên phát triển nguồn tài nguyên số (quyết định số 56/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ). Đó là: Ưu tiên bố trí kinh phí từ ngân sách nhà nước trung ương, ngân sách nhà nước địa phương và huy động tối đa các nguồn lực từ các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp để đầu tư nghiên cứu sản xuất và phát triển các sản phẩm, dịch vụ nội dung trên mạng Internet, trên mạng di động, đặc biệt là các sản phẩm/ dịch vụ đa phương tiện, nhằm tăng cường cung cấp thông tin cho xã hội và các dịch vụ giải trí số; đầu tư cho Thư viện Quốc gia và một số thư viện lớn ở các thành phố trực thuộc Trung ương và các trường đại học xây dựng giải pháp thư viện số trực tuyến, số hoá sách, báo, tài liệu để hình thành hệ thống thư viện số Việt Nam; đầu tư nghiên cứu, phát triển các tài liệu, học liệu phục vụ giáo dục từ xa, học tập điện tử (E-learning), đặc biệt là các bài giảng, bài tập, các từ điển điện tử; các thí nghiệm ảo về vật lý, hoá học, sinh học. Những quy định của pháp luật nước ta không hạn chế việc số hóa tài liệu của thư viện nhưng việc phổ biến những bản số hóa tài liệu này lại là những hành vi không được cho phép. Như vậy thư viện có thể số hóa tài liệu và cung cấp tài liệu số hóa này cho một người dùng tin. Người dùng tin có thể sử dụng các bản số hóa tài liệu của thư

viện cho các mục đích nghiên cứu, học tập, giảng dạy, phi thương mại và không làm ảnh hưởng tới việc khai thác bình thường của tác phẩm, phải có thông tin về nguồn gốc, xuất xứ tác giả.

Đối với dịch vụ mượn liên thư viện và chia sẻ nguồn thông tin số hóa: dịch vụ mượn liên thư viện xuất hiện ở nước ta khá sớm và đã có những bước phát triển nhất định. Những quy định về bản quyền không chỉ rõ trường hợp này tuy nhiên có thể nhận thấy hành vi cho mượn liên thư viện sẽ chỉ được tiến hành với những tác phẩm đã công bố, không cần xin phép tác giả, không phải trả tiền thù lao nhưng phải là mục đích phi thương mại và không ảnh hưởng tới việc khai thác bình thường của tác phẩm. Vấn đề chia sẻ nguồn lực thông tin giữa các thư viện với nhau và giữa các thư viện với các tổ chức cá nhân cũng chưa có điều khoản quy định. Tuy nhiên việc chia sẻ những nguồn lực này chỉ trong khuôn khổ các tài liệu đã công bố, mục đích phi thương mại và người sử dụng trực tiếp không thể download và sao chép. Việc sử dụng dịch vụ liên thư viện cũng không được phép tham khảo, sử dụng tài liệu để xây dựng các bộ sưu tập số khác.

Đối với dịch vụ cung cấp thông tin chuyên biệt (thông tin trích dẫn, tổng quan...) những quy định về bản quyền đặt ra yêu cầu trích dẫn là không làm sai lệch ý của tác giả để bình luận, minh họa, viết báo, dùng trong ấn phẩm định kỳ, hoặc để giảng dạy trong nhà trường nhưng không nhằm mục đích thương mại và phải có thông tin về nguồn gốc, xuất xứ tác phẩm.

Đối với các dịch vụ cung cấp thông tin cho người khiếm thị: các quy định về bản quyền cho phép chuyển tài liệu sang chữ nổi hoặc ngôn ngữ khác cho người khiếm thị nhưng không vì mục đích thương mại và phải tôn trọng quyền nhân thân trong quyền tác giả.

Sự thay đổi các dịch vụ thông tin thư viện là xu thế tất yếu của các thư viện Việt Nam nhằm hội nhập và phát triển bền vững. Việc nghiên cứu và sửa đổi những quy định về bản quyền sao cho phù hợp, đáp ứng với nhu cầu thực tiễn nhưng vẫn đảm bảo quyền tác giả và quyền liên quan theo quy định pháp luật Việt Nam và những điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia đang và sẽ trở thành những tiền đề để vừa không hạn chế chức năng, hoạt động của thư viện, vừa tôn trọng bản quyền theo đúng nguyên tắc công bằng, bình đẳng. Để đảm bảo quyền tác giả, thư viện cũng cần có chính sách trong việc nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của quyền tác giả, tham gia xây dựng và bảo vệ các quy định pháp luật về quyền tác giả, hướng dẫn, tuyên truyền đến người sử dụng để việc khai thác thông tin hợp pháp, hợp lý, hiệu quả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật sở hữu trí tuệ năm 2005: sửa đổi, bổ sung năm 2009, Hà Nội, Chính trị Quốc gia - Sự thật.
2. Trần Mạnh Tuấn (2010), Hiện trạng và một số tính chất phát triển dịch vụ tại các thư viện, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, Số 2, tr. 15 – 20.
3. Trần Mạnh Tuấn (2006), Bản quyền trong việc triển khai dịch vụ cung cấp bản sao tài liệu trong các thư viện đại học, *Hội nghị quốc tế về thư viện*, TP Hồ Chí Minh.